

CHƯƠNG II

Căn Tính của Việc Dạy Giáo Lý

1. BẢN CHẤT CỦA VIỆC DẠY GIÁO LÝ

MẠC KHẢI TRONG KẾ HOẠCH QUAN PHÒNG CỦA THIÊN CHÚA

55. Dạy Giáo lý là một hoạt động của Hội Thánh, phát sinh từ mệnh lệnh truyền giáo của Chúa (x. Mt 28:19-20) và nhắm đến việc làm cho lời rao giảng về cuộc khổ nạn, cái chết và việc Phục Sinh của Người là được tiếp tục vang vọng trong tâm hồn mỗi con người, như chính tên gọi của hoạt động này ám chỉ¹, ngõ hầu cuộc sống của họ được biến đổi. Như một thực tại năng động và phức tạp nhằm phục vụ Lời Chúa, dạy giáo lý là đồng hành, giáo dục cùng đào luyện trong đức tin và cho đức tin, một dẫn nhập vào việc cử hành Mầu Nhiệm, soi sáng và giải thích cuộc đời con người và lịch sử. Qua việc tích hợp các đặc tính này cách hòa hợp, việc dạy giáo lý thể hiện sự phong phú của thực chất của nó và góp phần đặc biệt vào sứ mạng mục vụ của Hội Thánh.

56. Việc dạy giáo lý, một giai đoạn ưu tuyển trong tiến trình Phúc Âm hóa, thường nhắm đến những người đã nhận được *lời rao giảng đầu tiên (kerygma)*, nó đẩy mạnh trong những người ấy tiến trình nhập đạo (khai tâm), lớn lên, và trưởng thành trong đức tin. Tuy nhiên cũng đúng nếu thắc mắc rằng việc phân biệt những khác nhau về khái niệm giữa việc *tiền Phúc Âm hóa, việc rao giảng đầu tiên, việc dạy giáo lý và việc đào luyện không ngừng* còn hữu dụng hay không, thì trong bối cảnh hiện nay, chúng ta không còn có thể nhấn mạnh đến những sự khác biệt như thế nữa. Thực ra, một đảng, những người ngày nay xin được hoặc đã lãnh nhận ân sủng của các bí tích thường chưa có một kinh nghiệm đức tin rõ ràng hoặc không biết một cách thâm sâu quyền năng và sự ám áp của đức tin; đảng khác, một lời rao giảng hình thức bị giới hạn vào việc chỉ nói lên những khái niệm về đức tin không cho phép người ta hiểu biết về chính đức tin, là điều đáng lẽ phải là một chân trời mới của cuộc đời được rộng mở, bắt đầu từ cuộc gặp gỡ Chúa Giêsu.

MỐI LIÊN HỆ MẬT THIẾT GIỮA *KERYGMA* VÀ DẠY GIÁO LÝ

57. Nhu cầu này mà Hội Thánh phải đáp ứng ở thời điểm hiện tại làm nổi bật sự cần thiết phải có một huấn giáo có thể được gọi cách kiên định là huấn giáo *theo lời rao giảng đầu tiên (kerygma)*, có nghĩa là một huấn giáo như một “cuộc đi sâu hơn vào *kerygma*”.² Việc dạy giáo lý, là điều luôn luôn không thể được phân biệt với lời rao giảng đầu tiên, được gọi ngay từ đầu là một lời rao giảng về đức tin, và không được trao lại cho các hoạt động khác của Hội Thánh nhiệm vụ trợ giúp trong việc khám phá ra vẻ đẹp của Tin Mừng. Điều quan trọng là mỗi người phải khám phá ra rằng niềm tin thật đáng giá chính qua việc học giáo lý, và bằng cách này việc dạy giáo lý không còn bị giới hạn vào việc chỉ là thời gian lớn lên cách hoà hợp hơn trong đức tin, nhưng nó đóng góp vào việc sinh ra chính đức tin và cho phép khám phá ra sự cao cả và đáng tin cậy của đức tin. Như thế lời rao giảng [đầu tiên] có thể không còn được coi đơn thuần

¹ Động từ Hy Lạp *katechein* có nghĩa là “vang vọng”, “làm cho vang vọng”.

² EG 165.

như giai đoạn đầu của đức tin, mở đầu cho việc dạy giáo lý, mà thay vào đó là bình diện thiết yếu của mọi thời điểm của việc dạy giáo lý.

58. *Lời rao giảng đầu tiên (kerygma)*, “ngọn lửa của Chúa Thánh Thần được ban cho dưới hình lưỡi lửa và dẫn đưa chúng ta đến việc tin vào Đức Chúa Giêsu Kitô, là Đấng qua cái chết và Phục Sinh của Người, mặc khải và thông truyền cho chúng ta lòng thương xót vô biên của Chúa Cha”,³ đồng thời cũng là một *hành động rao giảng* và là nội dung của chính lời rao giảng, tiết lộ Tin Mừng và làm cho nó hiện diện.⁴ Trong *kerygma*, nhân vật chủ động là Chúa Giêsu, Đấng tỏ Mình ra trong chứng từ của người rao giảng; đời sống của chứng nhân là người đã cảm nghiệm được ơn cứu rỗi cho nên trở thành người đánh động và lay chuyển người nghe. Tân Ước trình bày những diễn đạt khác nhau của *kerygma*⁵ để đáp ứng những cách khác nhau mà ơn cứu độ được hiểu, được nói ra bằng những giọng nói khác biệt trong các nền văn hóa khác nhau và với những người khác nhau. Cũng thế, Hội Thánh phải có khả năng hiện thân cho *kerygma* theo nhu cầu của những người đương thời của mình, giúp đỡ và khuyến khích để trên môi các giáo lý viên (x. Rm 10:8-10), từ sự sung mãn của tâm hồn họ (x. Mt 12:34), trong động năng hỗ tương của việc lắng nghe và đối thoại (x. Lc 24:13-35), sẽ trở ra những lời rao giảng đáng tin cậy, *lời tuyên xưng đức tin* đầy sức sống, *các thánh thi mới về Đức Kitô* để nói cho mọi người biết về tin vui: “Đức Chúa Giêsu Kitô yêu thương bạn, Người đã ban mạng sống của Người để cứu bạn, và giờ đây Người đang ở bên bạn mỗi ngày, để soi sáng, củng cố và giải thoát bạn”.⁶

59. Tính trung tâm của *kerygma* cho việc rao giảng cũng dẫn đến một vài hướng dẫn cho việc dạy giáo lý: “nó phải diễn tả tình yêu cứu độ của Thiên Chúa, là điều đi trước mọi bổn phận luân lý hay tôn giáo của chúng ta; nó không được áp đặt chân lý nhưng mời gọi tự do; nó phải được đánh dấu bằng niềm vui, sự khích lệ, sức sống và một sự cân bằng hài hoà để không rút gọn việc rao giảng vào một ít giáo thuyết đôi khi mang tính triết học hơn là tính Phúc Âm”.⁷ Những yếu tố làm cho việc dạy giáo lý như một lời vang vọng của *kerygma* được viện dẫn để nhấn mạnh là: bản chất của điều được đề nghị; bài tường thuật, hiệu quả, và phẩm chất hiện hữu; chiêu kích làm chứng cho đức tin; thái độ liên hệ; việc chú tâm vào ơn cứu rỗi. Thật ra, tất cả những điều này đặt ra những câu hỏi cho chính Hội Thánh, vốn được mời gọi trước nhất phải tái khám phá Tin Mừng mà mình rao giảng: *lời rao giảng mới* của Tin Mừng đòi Hội Thánh phải có một *cách lắng nghe Tin Mừng được đổi mới*, cùng với những thánh giả của mình.

³ EG 164

⁴ Về từ “Tin Mừng”, x. Bênêdictô VI, *Suy Niệm của Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI trong buổi Họp Chung lần Thứ Nhất* (8 tháng 10 năm 2012): “‘Tin Mừng’ có nghĩa là: Thiên Chúa không còn im lặng, Thiên Chúa đã phán, Thiên Chúa hiện hữu. Chính sự kiện này tự nó đã là ơn cứu rỗi: Thiên Chúa biết chúng ta, Thiên Chúa yêu thương chúng ta, Ngài đã bước vào lịch sử, Chúa Giêsu là Lời Ngài, Thiên Chúa ở cùng chúng ta. Thiên Chúa chỉ cho chúng ta rằng Ngài yêu chúng ta, rằng Ngài chịu đau khổ với chúng ta cho đến chết và sống lại. Đây là Tin Mừng. Thiên Chúa đã phán, Ngài không còn là Đấng Cao Cả không ai biết được, nhưng đã tỏ mình ra và đó là ơn cứu rỗi”.

⁵ Trong số nhiều cách diễn đạt về *kerygma*, chẳng hạn như, xem những câu dưới đây. “Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, Emmanuel, Thiên Chúa ở cùng chúng ta” (x. Mt 1:23); “Nước Thiên Chúa đã gần; hãy sám hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1:15); “Vì Thiên Chúa quá yêu thế gian đến nỗi ban Con Một của Ngài, để những ai tin vào Người sẽ không phải hư mất nhưng có sự sống đời đời” (Ga 3:16); “Ta đến để chúng được sống, và sống sung mãn” (Ga 10:10); Chúa Giêsu thành Nagiarét “đi khắp nơi làm việc lành và chữa tất cả mọi người” (Cv 10:38); “Chúa Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng chịu chết vì tội lỗi chúng ta và sống lại vì sự công chính hóa của chúng ta” (Rm 4:25); “Chúa Giêsu là Chúa” (1 Cor 12:3); “Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta” (1 Cor 15:3); Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu tôi và đã tự hiến mình vì tôi” (Gal 2:20).

⁶ EG 164.

⁷ EG 165.

60. Vì “*kerygma* có một nội dung xã hội rõ ràng”⁸, nên điều quan trọng là khía cạnh xã hội của việc Phúc Âm hóa phải được làm cho minh bạch một cách nào đó để nắm bắt được sự rộng mở của nó (*kerygma*) cho toàn thể cuộc đời. Điều này có nghĩa là hiệu lực của việc dạy giáo lý được trở nên hữu hình không những chỉ qua việc rao giảng trực tiếp về Mầu Nhiệm Vượt Qua của Chúa, mà còn qua việc tỏ lộ một cách nhìn mới về đời sống, về nhân loại, về công lý, về đời sống xã hội và về toàn thể vũ trụ, là cái nhìn nảy sinh từ đức tin và làm cho những dấu chỉ của đức tin hiện diện cách cụ thể. Vì lý do này, việc trình bày ánh sáng mà với nó Tin Mừng chiếu soi xã hội không phải là thời điểm thứ nhì theo thứ tự khác biệt với việc rao giảng chính đức tin. Việc dạy giáo lý là một việc rao giảng đức tin, và như thế nó không thể làm gì khác hơn là gắn liền với mọi khía cạnh của đời sống con người, dù một cách phôi thai.

GIAI ĐOẠN DỰ TÒNG NHƯ MỘT NGUỒN LINH HỨNG CHO VIỆC DẠY GIÁO LÝ

61. Đòi hỏi “không được giả thiết rằng thánh giả của chúng ta hiểu toàn thể bối cảnh của điều chúng ta nói, hoặc có khả năng liên hệ điều chúng ta nói với chính trọng tâm của Tin Mừng”⁹, là lý do cho cả việc xác nhận bản chất *lệ thuộc vào lời rao giảng đầu tiên (kerygmatic)* của huấn giáo lẫn việc kể đến sự linh hứng theo giai đoạn dự tòng của nó. Thời gian dự tòng là một thực hành cổ xưa của Hội Thánh, được tái lập sau Công Đồng Vaticanô II (x. SC 64-66; CD 14; AG 14), dành cho những người trở lại nhưng chưa được rửa tội. Cho nên nó có một chủ ý truyền giáo rõ ràng và được cấu trúc như một tổng thể có tổ chức và tích lũy cho việc khai tâm vào đức tin và đời sống Kitô hữu. Chính vì đặc tính truyền giáo của nó, thời gian dự tòng có thể gây cảm hứng cho việc dạy giáo lý nhắm đến những người dù đã lãnh nhận món quà ân sủng của bí tích Rửa Tội, nhưng không thực sự được nếm sự phong phú của món quà này:¹⁰ theo nghĩa này, chúng ta nói đến việc dạy giáo lý *được linh hứng bởi mầu dự tòng* hay một *giáo lý dự tòng hậu rửa tội* hoặc *giáo lý dẫn nhập vào đời sống Kitô hữu*.¹¹ Linh hứng này không quên rằng những người đã được rửa tội “qua bí tích Rửa Tội... đã trở thành những phần tử của Hội Thánh và con cái Thiên Chúa rồi. Vì thế việc trở lại của họ dựa trên bí tích Rửa Tội mà họ đã lãnh nhận, các hiệu quả của bí tích này cần được phát triển”.¹²

62. Về các tham dự viên, chúng ta có thể nói về ba sáng kiến theo kiểu dự tòng:

- *Giáo lý dự tòng theo đúng nghĩa* dành cho những người chưa được rửa tội, dù là những người trẻ và trưởng thành hay trẻ em trong tuổi học trò và thiếu niên;
- *Giáo lý dự tòng theo nghĩa loại suy* dành cho những người đã được rửa tội nhưng chưa hoàn tất các bí tích khai tâm Kitô giáo;
- *Dạy giáo lý theo sự linh hứng bởi giáo lý dự tòng* dành cho những người đã lãnh nhận các bí tích khai tâm nhưng chưa được Phúc Âm hóa và học giáo lý cách đầy đủ, hoặc cho những người muốn lại tiếp tục cuộc hành trình đức tin.

⁸ EG 177.

⁹ EG 34.

¹⁰ Những người này có thể được gọi là hầu như dự tòng: x. CT 44.

¹¹ x. GLCG 1231 và Bênêdictô XVI, *Diễn từ khai mạc khóa họp thứ V của Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ La Tinh và Carrabêa* (30 tháng 5 năm 2007), 286-288.

¹² RCIA 295.

63. Việc phục hồi thời gian dự tòng mà Công Đồng Vaticanô II thúc đẩy đã được thể hiện với việc xuất bản *Nghi Thức Khai Tâm Kitô giáo cho Người Trưởng Thành*. Thời gian dự tòng là “giai đoạn huấn luyện cho toàn thể đời sống Kitô hữu” (AG 14), là một tiến trình được cấu thành trong ba thời kỳ hay giai đoạn, nhằm mục đích dẫn người dự tòng đến một cuộc gặp gỡ trọn vẹn với mầu nhiệm của Đức Kitô trong đời sống của cộng đồng, và như thế được coi là một *môi trường điển hình* cho việc khai tâm, dạy giáo lý và hiệp nhiệm. Các nghi thức chuyển tiếp¹³ giữa các giai đoạn làm nổi bật bản chất tiệm tiến của lộ trình đào luyện của người dự tòng.

- trong thời kỳ *tiền dự tòng* việc Phúc Âm hóa đầu tiên để kêu gọi người ta hoán cải xảy ra, và *kerygma* của lời rao giảng ban đầu được trình bày;
- thời kỳ *dự tòng* đúng nghĩa được dành để dạy giáo lý cách toàn diện; học viên được vào giai đoạn này với *Nghi Thức Tiếp Nhận*, trong đó việc “trao sách Tin Mừng”¹⁴ có thể xảy ra.
- thời kỳ *thanh tẩy* và *soi sáng* cung cấp một sự chuẩn bị kỹ càng hơn cho các bí tích khai tâm; giai đoạn này, cửa vào của nó là qua *Nghi Thức Tuyển Chọn* hoặc ghi danh, chuẩn bị sẵn sàng cho việc “trao Kinh Tin Kính” và “trao Kinh Lạy Cha”;¹⁵
- *Việc cử hành các bí tích khai tâm* vào Lễ Vọng Phục Sinh mở đầu thời kỳ *hiệp nhiệm* hay *nhiệm huấn* được đặc trưng bởi một kinh nghiệm sâu xa hơn bao giờ hết về các mầu nhiệm của đức tin và bởi việc được sát nhập vào đời sống của cộng đồng.¹⁶

64. *Sự linh hứng theo dự tòng của việc dạy giáo lý* không có nghĩa là sao chép giáo lý dự tòng một cách lệ thuộc, nhưng sử dụng kiểu cách và động năng đào luyện của nó, cũng đáp ứng những “nhu cầu về một cuộc canh tân hiệp nhiệm, là cuộc canh tân có thể có rất nhiều hình thức khác nhau dựa vào sự phân định về giáo dục của mỗi cộng đoàn”.¹⁷ Giáo lý dự tòng có một đặc tính truyền giáo nội tại, là điều trở nên yếu dần với thời gian trong việc dạy giáo lý. Những yếu tố thiết yếu của giáo lý dự tòng đã được đem trở lại, và sau cuộc phân định, chúng phải được hiểu, lượng giá và lại áp dụng ngày nay với can đảm và sáng kiến, trong một nỗ lực hội nhập văn hóa. Những yếu tố như thế là:

- a. *Đặc tính Vượt Qua*: trong chương trình dự tòng, mọi sự đều hướng về mầu nhiệm khổ nạn, cái chết và cuộc Phục Sinh của Đức Kitô. Việc dạy giáo lý thông truyền trung tâm này của đức tin bằng một cách dễ hiểu thiết yếu và sống còn, đem từng người đến tiếp xúc với Chúa Phục Sinh và giúp họ tái giải thích và sống những giây phút sâu xa nhất của cuộc đời họ như những biến cố Vượt Qua;
- b. *Đặc tính khai tâm*: chương trình dự tòng là một sự khai tâm vào đức tin dẫn người dự tòng đến việc khám phá ra mầu nhiệm của Đức Kitô và Hội Thánh. Việc dạy giáo lý cung cấp một giới thiệu vào tất cả mọi khía cạnh của đời sống Kitô hữu, giúp mỗi

¹³ RCIA 6: “Ba giai đoạn này được coi là những giai đoạn chính, những giây phút khai tâm mãnh liệt hơn và được đánh dấu bằng ba nghi thức phụng vụ: thứ nhất là nghi thức tiếp nhận vào cấp dự tòng; nghi thức thứ hai có tên là nghi thức tuyển chọn và ghi danh; và nghi thức thứ ba bằng việc cử hành các bí tích khai tâm Kitô giáo.”

¹⁴ Giai đoạn này chuẩn bị sẵn sàng cho việc cử hành Lời Chúa, trừ tà, chúc lành và các cử hành khác. X. RCIA 68-132.

¹⁵ Cùng với những việc trao ban được nhắc đến ở trên, trong giai đoạn này, người dự tòng kinh nghiệm những cuộc sát hạch và những chuẩn bị khác theo nghi thức để cử hành các bí tích. X. RCIA 133-207.

¹⁶ EG 166.

¹⁷ EG 166.

- người bắt đầu cuộc hành trình cá nhân, trong cộng đồng, để đáp lời Thiên Chúa là Đấng đã tìm kiếm họ;
- c. *Đặc tính phụng vụ, nghi thức và biểu tượng*: chương trình dự tòng được đan kết với những biểu tượng, nghi thức và các cuộc cử hành, là những điều chạm đến giác quan và tình cảm. Việc dạy giáo lý, chính nhờ việc sử dụng “những biểu tượng hùng hồn” và qua việc “tái đánh giá cao những dấu chỉ phụng vụ”¹⁸ có thể, bằng cách này, đáp ứng những đòi hỏi của con người thời đại, là những người điển hình chỉ thấy những kinh nghiệm có thể chạm đến con người thể lý hay tình cảm của họ là điều quan trọng;
 - d. *Đặc tính cộng đồng*: chương trình dự tòng là một tiến trình xảy ra trong một cộng đồng cụ thể, là nơi cung cấp kinh nghiệm về cộng đồng được Thiên Chúa ban, và như thế ý thức về trách nhiệm công bố đức tin của mình. Việc dạy giáo lý được linh hứng bởi chương trình dự tòng tích hợp sự đóng góp của nhiều đặc sủng và thừa tác vụ khác nhau (các giáo lý viên, những người làm việc về phụng vụ và bác ái, trưởng các hội đoàn, cùng với các thừa tác viên có chức thánh...), cho thấy rằng cung lòng sinh ra đức tin là toàn thể cộng đồng;
 - e. *Đặc tính hoán cải không ngừng và làm nhân chứng*: chương trình dự tòng được mừng tượng, trong toàn bộ của nó, như một cuộc hành trình hoán cải và thanh lọc từ từ, cũng được đề cao bằng những cuộc cử hành đánh dấu việc đạt được một cách sống và suy nghĩ mới. Ý thức rằng việc hoán cải không bao giờ hoàn toàn được hoàn tất nhưng kéo dài suốt đời, huấn giáo dạy các tín hữu khám phá ra rằng mình là những kẻ có tội được tha thứ và, dựa vào gia sản phong phú của Hội Thánh, cũng cung cấp những con đường sám hối và đào luyện là điều thúc đẩy việc hoán cải cả tâm hồn lẫn trí khôn thành một cách sống mới là điều cũng có thể được thấy rõ từ bên ngoài.
 - f. *Đặc tính tiệm tiến của kinh nghiệm đào luyện*:¹⁹ chương trình dự tòng là một tiến trình năng động được cấu trúc bằng các giai đoạn nối tiếp nhau một cách từ từ và tiệm tiến. Đặc tính tiến hóa này đáp ứng với câu chuyện cuộc đời thực sự của con người, vốn lớn lên và trưởng thành với thời gian. Hội Thánh kiên trì đồng hành với các con cái mình và tôn trọng tốc độ trưởng thành của họ, chứng tỏ mình là một người mẹ chu đáo.

65. Việc dạy giáo lý theo lối *kerygma* và truyền giáo đòi hỏi một sự phạm khai tâm được linh hứng bởi cuộc hành trình dự tòng, đáp ứng nhiều hoàn cảnh khác nhau với sự khôn ngoan mục vụ. Nói cách khác, theo một sự hiểu biết đã được phát triển ở một số Hội Thánh, đây là vấn đề của *giáo lý khai tâm vào đời sống Kitô hữu*. Nó là một cuộc hành trình sự phạm được đưa ra trong cộng đồng Hội Thánh, dẫn người tín hữu đến gặp gỡ Đức Chúa Giêsu Kitô qua Lời Chúa, các hành vi phụng vụ và bác ái, tích hợp tất cả mọi khía cạnh của con người để họ có thể lớn lên trong tinh thần đức tin và thành nhân chứng cho sự sống mới trong thế gian.

2. VIỆC DẠY GIÁO LÝ TRONG TIẾN TRÌNH PHỨC ÂM HÓA

LỜI RAO GIẢNG ĐẦU TIÊN VÀ VIỆC DẠY GIÁO LÝ

¹⁸ EG 166.

¹⁹ EG 166, cũng x. RCIA 4-6.

66. Với lời rao giảng đầu tiên, Hội Thánh công bố Tin Mừng và gợi ý cho sự hoán cải. Trong việc thực hành mục vụ thông thường, thời điểm này của tiến trình Phúc Âm hóa thật là con bản. Trong sứ vụ rao giảng *cho muôn dân* (mission *ad gentes*), nó được thể hiện trong giai đoạn gọi là tiền dự tòng. Vào thời điểm hiện nay của việc Tân Phúc Âm hóa, có thể nói rằng điều ưu tiên là dạy giáo lý theo *kerygma* như đã được trình bày.

67. Trong bối cảnh rao giảng cho muôn dân, lời rao giảng đầu tiên chủ yếu được hiểu theo nghĩa thứ tự thời gian. Thực ra, “bày tỏ Đức Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Người cho những người chưa biết là chương trình căn bản mà Hội Thánh đã chấp nhận như đã lãnh nhận từ Đấng Sáng Lập kể từ buổi sáng Ngày Lễ Hiện Xuống đến nay”. Hội Thánh thực hiện việc rao giảng đầu tiên “bằng một hoạt động phức tạp và đa dạng đôi khi còn được gọi là ‘tiền Phúc Âm hóa’, nhưng theo đúng nghĩa thì đã là Phúc Âm hóa rồi, mặc dù vào lúc ban đầu nó là một giai đoạn chưa đầy đủ”.²⁰ Việc dạy giáo lý khai triển giây phút ban đầu này và đưa nó đến trưởng thành. Cho nên, lời rao giảng đầu tiên và việc dạy giáo lý, tuy khác biệt, nhưng bổ túc cho nhau.

68. Trong nhiều bối cảnh của Hội Thánh, lời rao giảng đầu tiên cũng có một nghĩa thứ hai. “Lời rao giảng đầu tiên này không có nghĩa là nó xuất hiện lúc ban đầu và sau đó có thể quên đi hoặc thay thế bằng những điều khác quan trọng hơn. Nó đứng đầu theo nghĩa chất lượng bởi vì nó là lời loan báo chính, là lời mà chúng ta phải luôn luôn nghe đi nghe lại bằng những cách khác nhau, là lời mà chúng ta phải luôn luôn tái rao giảng trong suốt tiến trình dạy giáo lý dưới dạng này hay dạng khác, trong tất cả các mức độ và thời điểm của nó”.²¹ Việc rao giảng đầu tiên, nhiệm vụ của mọi Kitô hữu, dựa trên chữ “hãy đi” ấy (Mc 16:15; Mt 28:19) mà Chúa Giêsu đã truyền cho các môn đệ như một huấn lệnh và nó ám chỉ là đi ra, mau mắn, đồng hành, như thế trở thành các môn đệ truyền giáo thật sự. Cho nên chúng ta không được giảm nó xuống thành việc truyền tải một sứ điệp, nhưng trước hết là chia sẻ sự sống đến từ Thiên Chúa và thông truyền niềm vui đã được gặp Chúa. “Là Kitô hữu không phải là một lựa chọn đạo đức hay một ý tưởng cao cả, nhưng là một cuộc gặp gỡ với một biến cố, một con người, là điều mang đến cho cuộc sống một chân trời mới và một hướng đi quyết định”.²²

VIỆC DẠY GIÁO LÝ KHAI TÂM KITÔ GIÁO

69. Việc dạy giáo lý khai tâm Kitô giáo liên kết hoạt động *truyền giáo*, là điều đưa ra một lời mời gọi đến đức tin, với hoạt động *mục vụ* là điều tiếp tục nuôi dưỡng nó. Việc dạy giáo lý là một phần không thể thiếu được của việc khai tâm Kitô giáo và liên kết chặt chẽ với các bí tích khai tâm, đặc biệt là bí tích Rửa Tội. “Mối dây nối kết việc dạy giáo lý với bí tích Rửa Tội là việc tuyên xưng đức tin thật, một điều vừa là một yếu tố cố hữu trong bí tích này vừa đồng thời là mục tiêu của việc dạy giáo lý”.²³ “Sứ vụ làm phép rửa, tức là sứ vụ bí tích, được bao hàm trong sứ vụ Phúc Âm hóa”;²⁴ Cho nên, sứ vụ bí tích không thể tách rời ra khỏi tiến trình Phúc Âm hóa được. Thực ra, lộ trình theo nghi thức của việc khai tâm Kitô giáo là một tiến trình hiện thực hóa của giáo lý không những chỉ xảy ra trong Hội Thánh, mà còn cấu thành Hội Thánh.

²⁰ EN 51.

²¹ EG 164.

²² Bênêdictô XVI, Thông Điệp *Deus Caritas Est* (25 Tháng 12 năm 2005), 1.

²³ GDC 66.

²⁴ GLCG 1122.

Trong việc khai tâm Kitô giáo, nó không chỉ là vấn đề công bố Tin Mừng, nhưng còn là thực hành Tin Mừng.

70. Các bí tích khai tâm cấu thành một sự hợp nhất bởi vì “chúng thiết lập nền tảng của đời sống Kitô hữu. Người tín hữu được tái sinh bởi nước Rửa Tội được củng cố bởi bí tích Thêm Sức và được nuôi dưỡng bởi bí tích Thánh Thể”.²⁵ Thực ra, cần phải nhắc lại rằng “việc lãnh nhận bí tích Rửa Tội và Thêm Sức của chúng ta là nhằm vào việc lãnh nhận bí tích Thánh Thể. Vì vậy, việc thực hành mục vụ của chúng ta phải phản ánh hơn nữa sự hiểu biết về tính đơn nhất của tiến trình khai tâm Kitô giáo”.²⁶ Cho nên thật thích đáng để lượng giá và kể đến thứ tự theo thần học của các bí tích – Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể -- để “xem cách thực hành nào sẽ giúp ích nhiều hơn cho người tín hữu biết đặt bí tích Thánh Thể ở trung tâm, như mục tiêu của toàn thể tiến trình khai tâm”.²⁷ Điều đáng ao ước là ở những nơi có các thí nghiệm, thì đó không phải là những trường hợp biệt lập, mà là hoa quả của một suy nghĩ của toàn thể Hội Đồng Giám Mục xác nhận quyết định thực hành cho toàn thể lãnh thổ dưới quyền giám sát của Hội Đồng Giám Mục ấy.

71. Việc dạy giáo lý khai tâm Kitô giáo là một cuộc đào luyện đức tin *căn bản, thiết yếu, có tổ chức, có hệ thống, và toàn bộ*.

- *Căn bản và thiết yếu*, trong đó nó là một cuộc tìm hiểu đầu tiên về *kerygma* là điều trình bày những mầu nhiệm căn bản của đức tin và của những giá trị Phúc Âm nền tảng. “Nó đặt nền móng cho căn nhà thiêng liêng của Kitô hữu, nuôi dưỡng cội rễ đời sống đức tin của họ và giúp họ nhận được nhiều chất dinh dưỡng chắc chắn trong đời sống thông thường của cộng đồng Kitô hữu”,²⁸
- *Có tổ chức*, trong đó nó được tổ chức chu đáo và chặt chẽ; *có hệ thống* nghĩa là không nghèo nàn và tùy tiện. Việc trình bày có tổ chức và hệ thống mầu nhiệm Kitô giáo phân biệt việc dạy giáo lý với các hình thức rao giảng Lời Chúa khác.
- *Toàn bộ*, bởi vì nó là một hình thức học tập mở ra cho tất cả các thành phần của đời sống Kitô hữu. Việc dạy giáo lý từ từ thúc đẩy việc nội tâm hóa và kết hợp tất cả những thành phần này, dẫn đến một sự biến đổi con người cũ và hình thành một tinh thần Kitô hữu.

72. Những đặc tính này của việc dạy giáo lý khai tâm được diễn tả cách mô phạm trong những *tóm lược* về đức tin đã được Thánh Kinh trình bày chi tiết (như ba kinh Tin, Cây, Mến) và rồi trong Thánh Truyền (đức tin mà chúng ta tin, cử hành, sống và cầu nguyện). Những tóm lược này là một cách hiểu biết cách hài hòa đời sống và lịch sử, bởi vì chúng không nói lên những quan điểm thần học có thể thú vị nhưng luôn thiếu sót; thay vào đó chúng công bố chính đức tin của Hội Thánh.

VIỆC DẠY GIÁO LÝ VÀ ĐÀO LUYỆN LIÊN TỤC ĐỜI SỐNG KITÔ HỮU

²⁵ *Toát Yếu Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 251.

²⁶ Bênêđictô XVI, Tông Huấn *Sacramentum Caritatis* (22 tháng 2 năm 2007) 17.

²⁷ *Ibid.*, 18.

²⁸ GDC 67.

73. Việc dạy giáo lý được dùng để phục vụ đáp trả đức tin của Kitô hữu, giúp họ sống đời sống Kitô hữu trong một trạng thái hoán cải. Đây chính là vấn đề nội tâm hóa sứ điệp Kitô giáo, mà qua đó động năng của việc dạy giáo lý đang tiến hành biết cách tổng hợp việc lắng nghe, phân định và thanh lọc. Hoạt động dạy giáo lý như thế không bị giới hạn vào cá nhân người tín hữu, nhưng nói với toàn thể cộng đồng Kitô hữu để hỗ trợ quyết tâm truyền giáo của việc Phúc Âm hóa. Việc dạy giáo lý cũng khuyến khích việc hội nhập các cá nhân và cộng đồng vào bối cảnh xã hội và văn hóa, giúp đỡ việc giải thích lịch sử theo Kitô giáo và thúc đẩy việc dấn thân vào xã hội của các Kitô hữu.

74. Việc dạy giáo lý, được dùng để phục vụ việc liên tục giáo dục đức tin, hiện hữu trong tương quan với những khía cạnh khác nhau của đời sống Kitô hữu.

- a. *Việc dạy giáo lý và Thánh Kinh*: kiến thức về Thánh Kinh là điều thiết yếu cho việc tiến triển trong đời sống đức tin; vai trò trung tâm của nó trong việc dạy giáo lý làm cho việc truyền đạt lịch sử cứu độ một cách sống động được khả thi, và “như thế, một sự hiểu biết về những nhân vật, những biến cố và những câu nói thời danh trong Thánh Kinh cần phải được khích lệ”.²⁹
- b. *Dạy giáo lý, phụng vụ và các bí tích*: Việc dạy giáo lý nhắm đến việc cử hành phụng vụ. Cần phải có cả một giáo lý chuẩn bị cho các bí tích và một giáo lý hiệp nhiệm nhằm bồi dưỡng một sự hiểu biết và một kinh nghiệm sâu xa về phụng vụ.
- c. *Việc dạy giáo lý, đức ái và làm nhân chứng*: trong khi việc dạy giáo lý, vang vọng lại Tin Mừng, đức khuôn người tín hữu cho đức ái, các hành động bác ái là một phần không thể thiếu được của việc công bố giáo lý. Đức ái không những chỉ là dấu chỉ của việc đón nhận Tin Mừng, mà còn là một cách ưu tiên để đến với Tin Mừng: “ai yêu thì được sinh ra bởi Thiên Chúa và biết Thiên Chúa” (1 Ga 4:7).

3. CÁC MỤC TIÊU CỦA VIỆC DẠY GIÁO LÝ

75. Tại trung tâm của mọi tiến trình dạy giáo lý là cuộc gặp gỡ sống động với Đức Kitô. “Cũng vậy, mục tiêu tối hậu của việc dạy giáo lý không những là cho người ta liên lạc nhưng còn hiệp thông cách mật thiết với Đức Chúa Giêsu Kitô: chỉ một mình Người có thể dẫn chúng ta đến tình yêu của Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần và làm cho chúng ta chia sẻ sự sống của Ba Ngôi Chí Thánh”.³⁰ Hiệp thông với Đức Kitô là trung tâm của đời sống Kitô hữu và như thế là trung tâm của hoạt động dạy giáo lý. Việc dạy giáo lý nhằm mục đích hình thành những con người biết Đức Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng cứu độ giải phóng của Người hơn bao giờ hết, sống một cuộc gặp gỡ thâm sâu với Người, chọn chính cách sống của Người và những tâm tình của Người (x. Pl 2:5), cố gắng thực hiện sứ vụ của Đức Kitô là rao giảng Nước Thiên Chúa trong hoàn cảnh lịch sử mà họ sống.

76. Việc gặp gỡ Đức Kitô liên quan đến toàn thể con người: trái tim, trí khôn, các giác quan. Nó không chỉ quan hệ với trí khôn, nhưng cũng với thân xác và trên hết với quả tim. Theo nghĩa này thì việc dạy giáo lý, vốn giúp nội tâm hóa đức tin và như thế đóng góp một cách không thể

²⁹ Bênêđictô XVI, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng *Verbum Domini* (30 tháng 9 năm 2010), 74. Chúng ta cũng phải đánh giá cao tất cả mọi sáng kiến trình bày Thánh Kinh trong vai trò mục vụ tối cao của nó, như *Chúa Nhật của Lời Chúa*: x. Phanxicô, Tông Thư *Aperuit illis* (30 tháng 9 năm 2019).

³⁰ CT 5.

thay thế được vào việc gặp gỡ Đức Kitô, không thúc đẩy việc theo đuổi mục tiêu này một mình. Nó được hợp tác trong việc này bởi những khía cạnh khác của đời sống đức tin: trong kinh nghiệm phụng vụ bí tích, trong những mối liên hệ yêu thương, trong đời sống cộng đồng và phục vụ anh chị em mình, là những điều gì đó thiết yếu thực sự xảy ra cho việc *sinh ra con người mới* (x. Eph 4:24) và cho việc *biến đổi* tâm linh cá nhân (x. Rm 12:2).

77. Việc dạy giáo lý làm cho sự hoán cải ban đầu được chín mùi và giúp các Kitô hữu biến cuộc đời của họ thành có ý nghĩa, giáo dục họ trong một *tin thần đức tin* phù hợp với Tin Mừng,³¹ đến nỗi dần dần họ cảm thấy, suy nghĩ và hành động như Đức Kitô. Trong cuộc hành trình này, có một đóng góp quyết định đến từ chính tham dự viên với cá tính của họ, khả năng đón nhận Tin Mừng vốn tương xứng với hoàn cảnh sống của cá nhân và giai đoạn tăng trưởng của họ.³² Tuy nhiên, phải ghi nhận rằng “Việc dạy giáo lý cho người lớn, vì liên quan đến những người có khả năng gia nhập với ý thức trách nhiệm hoàn toàn, phải được coi là hình thức dạy giáo lý chính. Tất cả các hình thức khác, quả thật là luôn luôn cần thiết, một cách nào đó hướng về nó. Điều này ám chỉ rằng việc dạy giáo lý cho những lứa tuổi khác phải có nó như điểm tham chiếu”.³³

78. Sự hiệp thông với Đức Kitô hàm ý việc tuyên xưng đức tin vào một Thiên Chúa duy nhất: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. “Lời tuyên xưng đức tin gắn liền với bí tích Rửa tội là lời tuyên xưng tuyệt vời về Chúa Ba Ngôi. Hội Thánh làm Phép Rửa “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” (Mt 28:19), Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng mà người Kitô hữu phó thác cả cuộc đời. [...] Điều quan trọng là việc dạy giáo lý phải liên kết chặt chẽ việc tuyên xưng đức tin vào Đức Kitô, “Chúa Giêsu là Chúa” với việc tuyên xưng Chúa Ba Ngôi, “Tôi tin kính Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”, một cách nào đó để thấy rõ là không có hai cách diễn tả đức tin Kitô giáo. Ai đã trở về với Đức Chúa Giêsu Kitô và nhìn nhận Người là Chúa qua lời rao giảng đầu tiên, thì nhờ được giúp đỡ bởi việc học giáo lý, họ bắt đầu một tiến trình tất yếu dẫn đến việc tuyên xưng Ba Ngôi một cách rõ ràng”.³⁴ Việc tuyên xưng này chắc chắn là một hành động riêng của cá nhân, nhưng chỉ đạt được sự trọn vẹn của nó nếu được tuyên xưng trong Hội Thánh.

4. CÁC NHIỆM VỤ (CÔNG TÁC) CỦA VIỆC DẠY GIÁO LÝ

79. Để đạt được các mục tiêu của nó, việc dạy giáo lý theo đuổi một số công tác liên hệ nội tại với nhau vốn được linh hứng bởi cách Chúa Giêsu hình thành các môn đệ của Người: Người làm cho họ *biết* các mầu nhiệm của Nước Trời, dạy họ *cầu nguyện*, đề nghị với họ *những giá trị của Tin Mừng*, đưa họ gia nhập vào đời sống *hiệp thông* với Người và với nhau, và vào *sứ vụ*. Phương pháp sư phạm này của Chúa Giêsu sau đó hun đúc đời sống của cộng đồng Kitô hữu: “Họ chuyên cần tuân theo các giáo huấn của các Tông Đồ và hiệp thông với nhau, tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện” (Cv 2:42). Thực ra, đức tin đòi hỏi phải được biết, được cử hành, được sống, và được biến thành cầu nguyện. Cho nên, để đào luyện các tín hữu cho một đời sống Kitô hữu toàn diện, việc dạy giáo lý cần phải theo đuổi những công tác sau đây dẫn đến sự hiểu biết

³¹ Trong EG 44, mục tiêu của việc dạy giáo lý là “hình thành những mẫu của đời sống Kitô hữu”.

³² Trong tiến trình đón nhận đức tin cách cá nhân, xem số 396 của *Chi Nam* này,

³³ GDC 59; cũng x. Thánh Bộ Đức Tin, *Chi Nam Chung về Huấn Giáo* (11 tháng 4 năm 1971), 20 và CT 43.

³⁴ GDC 82.

về đức tin; giới thiệu vào các cuộc cử hành mẫu nhiệm; đào luyện cho đời sống trong Đức Kitô; dạy cầu nguyện; và giới thiệu vào đời sống cộng đồng.

DẪN ĐẾN SỰ HIỂU BIẾT VỀ ĐỨC TIN

80. Việc dạy giáo lý có công tác bồi dưỡng sự hiểu biết và nghiên cứu sứ điệp Kitô giáo. Bằng cách này nó giúp người tín hữu hiểu các chân lý của đức tin Kitô giáo, giới thiệu họ vào sự hiểu biết về Thánh Kinh và Thánh Truyền sống động của Hội Thánh, bồi dưỡng kiến thức về *Kinh Tín Kính (Tín biểu)* và tạo ra một cái nhìn rõ ràng về giáo lý là điều có thể được dùng như điểm quy chiếu trong đời sống. Điều quan trọng là không được đánh giá thấp bình diện hiểu biết này của đức tin và phải chú trọng đến việc bao gồm nó vào tiến trình giáo dục về sự trưởng thành toàn diện của Kitô hữu. Thực ra, một huấn giáo đưa ra sự đối kháng giữa nội dung và kinh nghiệm đức tin chứng tỏ chính nó là một huấn giáo vô ích. Nếu không có kinh nghiệm đức tin, một người sẽ bị tước mất một cuộc gặp gỡ thật sự với Thiên Chúa và với anh em mình; việc thiếu nội dung sẽ cản trở sự trưởng thành của đức tin, cản trở không cho người ta tìm thấy ý nghĩa trong Hội Thánh và sống cuộc gặp gỡ cùng trao đổi với người khác.

GIỚI THIỆU VÀO VIỆC CỬ HÀNH MẪU NHIỆM

81. Dạy giáo lý, ngoài việc bồi dưỡng sự hiểu biết sống động về mẫu nhiệm của Đức Kitô, còn có nhiệm vụ trợ giúp trong việc hiểu biết và kinh nghiệm về các cuộc cử hành phụng vụ. Qua nhiệm vụ này, việc dạy giáo lý giúp người tín hữu hiểu tầm quan trọng của phụng vụ trong đời sống Hội Thánh, giới thiệu họ vào sự hiểu biết về các bí tích và vào đời sống bí tích, đặc biệt là bí tích Thánh Thể, nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống và sứ vụ Hội Thánh. Các bí tích, được cử hành trong phụng vụ, là những phương tiện đặc biệt để thông truyền Đức Kitô là Đấng được Hội Thánh rao giảng, một cách hoàn toàn.

82. Hơn nữa, việc dạy giáo lý giáo dục các tín hữu về các thái độ mà những cuộc cử hành của Hội Thánh đòi buộc: vui mừng vì tính chất lễ hội của các cuộc cử hành, cảm giác cộng đồng, lắng nghe Lời Chúa, tin tưởng cầu nguyện, chúc tụng và tạ ơn, có ý thức về những biểu tượng và dấu chỉ. Qua việc tham dự có ý thức và tích cực, huấn giáo dạy các tín hữu hiểu năm phụng vụ, là thầy dạy thật sự của đức tin, tầm quan trọng của ngày Chúa Nhật, ngày của Chúa và của cộng đồng Kitô hữu. Việc dạy giáo lý cũng giúp đánh giá cao các việc đạo đức phổ thông.

ĐÀO LUYỆN CHO ĐỜI SỐNG TRONG ĐỨC KITÔ

83. Việc dạy giáo lý có nhiệm vụ làm cho tâm hồn của mỗi Kitô hữu vang dội lời mời gọi đến một đời sống mới phù hợp với phẩm giá của con cái Thiên Chúa, là những người đã lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội, và với sự sống của Đấng Phục Sinh đã được thông ban qua các bí tích. Nhiệm vụ này hệ tại việc chứng tỏ rằng sự đáp trả lại lời mời gọi nên thánh (x. LG 40)³⁵ là cách sống con thảo có khả năng đem mọi tình hướng trở lại con đường chân lý và hạnh phúc là Đức Kitô. Theo nghĩa này, việc dạy giáo lý chỉ dạy người tín hữu cách theo Chúa theo những tâm tính được mô tả trong Bát Phúc -- Tám Mối Phúc (Mt 5:1-12), là điều bộc lộ chính đời sống của Chúa. “Chúa Giêsu giải thích cách rất đơn giản ý nghĩa của việc nên thánh khi Người ban

³⁵ Về lời mời gọi nên thánh trong thế giới đương thời, x. Phanxicô, Tông Huấn *Gaudete et Exultate* (19 tháng 3 năm 2018).

cho chúng ta Bát Phúc (x. Mt 5:3-12; Lc 6:20-23). Bát Phúc giống như một thẻ căn cước của Kitô hữu”.³⁶

84. Cũng vậy, công tác giáo dục người tín hữu đến đời sống tốt lành của Tin Mừng của việc dạy giáo lý liên quan đến việc đào luyện các Kitô hữu về lương tâm luân lý, để trong mọi hoàn cảnh họ sẽ lắng nghe Thánh Ý Chúa Cha ngõ hầu phân định, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, và theo luật của Đức Kitô (x. Gal 6:2) điều gì là dữ cần phải tránh và điều gì là tốt lành cần phải làm cùng thực thi điều ấy với đức ái chuyên cần. Đó là lý do tại sao phải dạy người tín hữu biết rút ra từ luật yêu thương được khai triển từ Mười Điều Răn (x. Xh 20:1-17; Đnl 5:6-21) và từ các nhân đức, cả đức tính nhân bản lẫn nhân đức Kitô giáo, các hướng dẫn cho việc hành động như các Kitô hữu trong những lãnh vực khác của đời sống. Không quên rằng Chúa đến để ban cho chúng ta một đời sống sung mãn (x. Ga 10:10), việc dạy giáo lý phải biết cách làm cho người ta chú ý đến “sự hấp dẫn và lý tưởng của một đời sống khôn ngoan, thỏa mãn, và phong phú” ngõ hầu biến các tín hữu thành “những sứ giả hân hoan của các đề nghị thách đố, những người canh giữ sự tốt lành và thẩm mỹ là những điều tỏa sáng trong một đời sống trung thành với Tin Mừng”.³⁷

85. Hơn nữa, cần phải nhớ rằng việc đáp trả ơn gọi chung của Kitô hữu được thể hiện một cách nhập thể, bởi vì mỗi người con của Thiên Chúa, tùy theo mức độ tự do của họ, lắng nghe Ngài và nhận ra những đặc sủng được Ngài trao phó, có nhiệm vụ khám phá ra vai trò riêng của mình trong chương trình cứu độ. Như thế, chỉ dẫn về luân lý trong việc dạy giáo lý luôn luôn truyền đạt dựa vào một *bối cảnh ơn gọi*, nhìn đến trước hết đời sống một người như ơn gọi đầu tiên và cơ bản. Mọi hình thức dạy giáo lý phải làm hết sức để làm sáng tỏ chân giá trị của ơn gọi Kitô hữu, cung cấp sự đồng hành trong việc phân định các ơn gọi riêng biệt, để giúp người tín hữu củng cố tình trạng của mình trong đời sống. Tùy vào hành động dạy giáo lý để chứng tỏ rằng đức tin được sống trong quyết tâm yêu thương như Đức Kitô đã yêu hay không, là cách đẩy mạnh việc trị đến của Nước Thiên Chúa trong thế gian và hy vọng vào lời hứa hạnh phúc vĩnh cửu.

DAY CẦU NGUYỆN

86. Cầu nguyện trước hết là một hồng ân từ Thiên Chúa; thực ra, trong mỗi người đã được rửa tội “Chính Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả” (Rm 8:26). Việc dạy giáo lý có nhiệm vụ giáo dục người tín hữu biết cầu nguyện và sống trong cầu nguyện, phát triển khía cạnh chiêm niệm của kinh nghiệm Kitô giáo. Cần phải dạy họ cầu nguyện *cùng với* Chúa Giêsu và *giống* Chúa Giêsu: “Học cầu nguyện với Chúa Giêsu là cầu nguyện bằng chính những tâm tình mà Người đã bày tỏ khi hướng về Chúa Cha: thờ lạy, ngợi khen, cảm tạ, tâm tình tín thác của người con, khẩn cầu, kính sợ vinh quang của Ngài. Những tâm tình đó được phản ánh trong kinh Lạy Cha là kinh Chúa Giêsu dạy các môn đệ và là mẫu mực của tất cả kinh nguyện Kitô giáo. [...] Khi việc dạy giáo lý được thấm nhuần bởi bầu khí cầu nguyện thì việc đồng hóa toàn thể đời sống Kitô hữu đạt được cao điểm của nó”.³⁸

³⁶ Ibid. 63.

³⁷ EG 168.

³⁸ GDC 85.

87. Nhiệm vụ bao hàm việc dạy cả cầu nguyện riêng lẫn cầu nguyện phụng vụ và cộng đồng, dẫn người tín hữu vào *các hình thức cầu nguyện thường trực*: chúc tụng và thờ lạy, xin ơn, chuyển cầu, tạ ơn và ngợi khen.³⁹ Có một số phương tiện rất thông dụng để đạt được những mục đích này: cầu nguyện bằng Thánh Kinh, đặc biệt là qua các giờ kinh phụng vụ và *lectio divina*; tâm nguyện gọi là Kinh Nguyện của Chúa Giêsu,⁴⁰ việc tôn sùng Đức Trinh Nữ Maria qua việc thực hành các việc đạo đức như đọc Kinh Mân Côi, khăn cầu và rước kiệu, vv...

GIỚI THIỆU VÀ ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG

88. Đức tin được tuyên xưng, cử hành, và sống trên hết là trong cộng đồng: “Bình diện cộng đồng không phải là một ‘khung sườn’, một ‘phác họa’, nhưng là một phần không thể thiếu được của đời sống Kitô hữu, của việc làm nhân chứng và Phúc Âm hóa”.⁴¹ Điều này được diễn tả rất hay trong nguyên tắc cổ điển: “*Idem velle atque idem nolle – muốn cùng một điều và bỏ cùng một điều* – được nhìn nhận từ thời xưa là nội dung thật của tình yêu: một người trở nên tương tự như người khác và điều này dẫn đến một cộng đồng có cùng một ý muốn và tư tưởng”.⁴² Điều làm cho việc ấy khả thi là vun trồng một *linh đạo hiệp thông*. Linh đạo này làm cho một người có thể thấy ánh sáng của Thiên Chúa Ba Ngôi cũng phản chiếu trên khuôn mặt của anh em mình; cảm nhận qua sự hiệp nhất sâu xa của Nhiệm Thể Đức Kitô rằng họ là một phần của chính mình; chia sẻ niềm vui và đau khổ của họ ngõ hầu cảm nhận được những ao ước của họ; chăm sóc cho những nhu cầu của họ; hiến cho họ một tình bạn chân tình và sâu sắc. Trên hết mọi sự, việc nhìn đến điều gì là tích cực ở người khác đề quý mến họ như một món quà Thiên Chúa ban giúp chúng ta gạt ra ngoài những cảm dỗ ích kỷ là điều dẫn đến cạnh tranh, tham danh vọng, ngờ vực và ganh tỵ.

89. Cho nên, trong việc chuẩn bị cho đời sống cộng đồng, việc dạy giáo lý có nhiệm vụ phát triển cảm giác *thuộc về* Hội Thánh; dạy ý thức về sự hiệp thông của Hội Thánh, thúc đẩy việc chấp nhận Huấn Quyền, hiệp thông với các mục tử, đối thoại huynh đệ; đào luyện các tín hữu ý thức về việc *đồng trách nhiệm*, góp phần vào việc xây dựng cộng đồng như những phần tử tích cực và như những môn đệ truyền giáo cho việc tăng trưởng của nó.

5. CÁC NGUỒN CỦA HUẤN GIÁO

90. Các nguồn mà huấn giáo rút ra được coi như liên hệ với nhau: điểm này với điểm khác, trong khi tất cả có thể được truy nguyên từ Lời Chúa, là một cách diễn tả Lời này. Huấn giáo có thể nhấn mạnh đến nguồn này hơn nguồn khác và trên nguồn khác, tùy vào tham dự viên và bối cảnh, nhưng phải quân bằng và không một chiều (chẳng hạn như, một huấn giáo hoàn toàn theo Thánh Kinh, phụng vụ hay thí nghiệm...). Trong số các nguồn, Thánh Kinh rõ ràng là ưu việt bởi vì có một mối liên hệ đặc biệt với Lời Chúa. Theo một nghĩa nào đó, các nguồn có thể là những cách dạy giáo lý.

³⁹ X. GLCG 2626-2649

⁴⁰ GLCG 435: “Tâm nguyện, Kinh nguyện Chúa Giêsu, thừa rằng: ‘Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ có tội’”. Công thức này được phát âm qua miệng, từ từ được trí khôn đón nhận rồi xuống đến quả tim và tạo ra một *quả tim thông minh*, kết hợp con người nội tâm và làm cho người ấy được lành mạnh.

⁴¹ Phanxicô, Triều Yết Chung (15 tháng 1 năm 2014).

⁴² Bênedictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25 tháng 12 năm 2005), 17.

LỜI CHÚA TRONG THÁNH KINH VÀ TRONG THÁNH TRUYỀN

91. Huấn giáo mức những sứ điệp của mình từ Lời Chúa, là nguồn chính của nó. Cho nên, “điều thiết yếu là Lời được mặc khải phong phú hóa tận gốc việc dạy giáo lý của chúng ta và tất cả mọi nỗ lực truyền lại đức tin của chúng ta”.⁴³ Thánh Kinh, vốn được Thiên Chúa mặc khải, chạm đến nơi thâm sâu nhất của tinh thần con người dễ dàng hơn bất cứ lời nào khác. Lời Chúa không cạn trong Thánh Kinh, bởi vì Thánh Kinh là một thực tại sống động, linh hoạt, và hiệu nghiệm (x. *Is* 55:10-11; *Dt* 4:12-12). Thiên Chúa phán và Lời Ngài tỏ lộ trong việc tạo dựng (x. *St* 1:3 tt.; *Tv* 33:6, 9; *Kn* 9:1) và trong lịch sử. Trong những ngày sau hết, “Ngài đã nói qua Con của Ngài” (*Dt* 1:2). Con Một của Chúa Cha chung cuộc là Lời Chúa, Đấng ở cùng Thiên Chúa từ nguyên thủy, là Thiên Chúa, đã chủ tọa công cuộc tạo dựng (x. *Ga* 1:1tt.), được sinh ra bởi người nữ (x. *Gal* 4:4) do quyền năng Chúa Thánh Thần (x. *Lc* 1:35) để sống giữa những kẻ thuộc về mình (x. *Ga* 1:14). Khi trở về cùng Chúa Cha (x. *Cv* 1:9), Người mang với mình thụ tạo mà Người đã cứu chuộc, vốn được tạo dựng trong Người và cho Người (x. *Cl* 1:18-20).

92. Hội Thánh sống sứ vụ của mình trong sự mong chờ việc tỏ hiện của Chúa vào ngày cánh chung. “Sự mong chờ này không bao giờ là thụ động, nhưng là một động lực truyền giáo để loan báo Lời Chúa, Lời là Lời chữa lành và cứu chuộc mọi người. Ngày nay cũng thế, Chúa Giêsu Phục Sinh đang nói với chúng ta: ‘Các con hãy đi khắp thế gian và loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo’” (*Mc* 16:15)”.⁴⁴ Thực ra, “đức tin đến từ những gì được nghe và những gì được nghe đến từ lời giảng dạy của Đức Kitô” (*Rm* 10:17). Qua việc giảng dạy và dạy giáo lý, chính Chúa Thánh Thần dạy, sinh ra một cuộc gặp gỡ Lời Chúa, sống động và hữu hiệu (x. *Dt* 4:12). Trong dòng Thánh Truyền, tư tưởng và các tác phẩm của các Giáo Phụ của Hội Thánh có một vai trò quan trọng. Như một cách diễn tả của kinh nghiệm của Hội Thánh trong quá khứ và của sự liên tục năng động hiện hữu giữa việc rao giảng của các môn đệ đầu tiên và của chính chúng ta,⁴⁵ nên điều hợp lý là đời sống và các tác phẩm của các Giáo Phụ phải có một chỗ thích hợp trong số nội dung của huấn giáo.

HUẤN QUYỀN

93. Đức Kitô đã ban cho các Tông Đồ và những người kế vị các ngài mệnh lệnh vĩnh viễn là rao giảng Tin Mừng cho đến tận cùng trái đất, khi hứa với các ngài sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần (x. *Mt* 28:20; *Mc* 16:15; *Ga* 20:21-22; *Cv* 1:8), Đấng sẽ biến các ngài thành thầy dạy nhân loại về ơn cứu rỗi, bằng cách truyền lại qua truyền khẩu (Thánh Truyền) và qua văn tự (Thánh Kinh) Lời của Thiên Chúa. Huấn Quyền bảo toàn, giải thích và truyền tải kho tàng đức tin, là nội dung của Mặc Khải. Theo cơ bản, thì toàn thể Dân Thiên Chúa có nhiệm vụ bảo vệ và truyền bá kho tàng đức tin, nhiệm vụ của toàn thể Hội Thánh là rao giảng Tin Mừng cho mọi dân tộc. Nhưng quyền dạy sứ điệp cứu độ cách chính thức và có uy quyền nhân danh Đức Chúa Giêsu Kitô thuộc về Giám Mục đoàn. Cho nên, Giáo Hoàng Rôma và các Giám Mục hiệp thông với ngài là những người quản thủ Huấn Quyền của Hội Thánh. Trách nhiệm chính của các ngài là dạy dỗ Dân Thiên Chúa nội dung của đức tin và luân lý Kitô giáo, cũng như thúc đẩy việc rao giảng nó khắp thế giới (x. *LG* 25).

⁴³ EG 175.

⁴⁴ Bênêdictô XVI, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng Giám Mục *Verbum Domini* (30 tháng 9 năm 2010) 121.

⁴⁵ X. Bênêdictô XVI, *Huấn Từ trong Phiên Hợp Khoáng Đại của Hội Đồng Giáo Hoàng về Thăng Tiến việc Tân Phúc Âm Hóa* (30 tháng 5 năm 2011).

94. Chân lý cứu độ tự nó luôn luôn là một và không thể thay đổi. Tuy nhiên, với thời gian Hội Thánh mỗi ngày một hiểu kho tàng mạc khải rõ hơn. Vì thế, một sự đào sâu và phát triển đồng nhất có thể được khám phá, phù hợp với chính Lời Chúa. Như vậy, Huấn Quyền phục vụ Lời Chúa và Dân Thiên Chúa bằng cách nhắc lại những chân lý cứu độ của Đức Kitô, làm sáng tỏ chúng và áp dụng chúng khi phải đối diện với những thách đố mới của các thời đại và hoàn cảnh khác nhau, đóng vai trò như một chiếc cầu nối giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền. Huấn Quyền là một cơ chế được Đức Kitô tích cực muốn cách như một thành phần thiết yếu của Hội Thánh. Cho nên, Thánh Kinh, Thánh Truyền và Huấn Quyền liên kết chặt chẽ với nhau và không một thành phần nào có thể tồn tại nếu không có hai thành phần kia. Cả ba cùng nhau góp phần vào việc cứu rỗi thế gian, mỗi thành phần theo cách riêng của mình (x. DV 10). Việc dạy giáo lý, trong số những việc khác, là một trung gian của những công bố của Huấn Quyền.

PHỤNG VỤ

95. Phụng vụ là một trong những nguồn thiết yếu và không thể thiếu được của việc dạy giáo lý của Hội Thánh, không những vì việc dạy giáo lý có thể rút nội dung, ngữ vựng, hành động, và lời của đức tin từ phụng vụ, nhưng trên hết bởi vì phụng vụ và việc dạy giáo lý thuộc về nhau trong chính hành vi tin. Mặc dù mỗi thứ có sự đặc thù của mình, phụng vụ và việc dạy giáo lý, hiểu theo ánh sáng của truyền thống Hội Thánh, không được đặt cạnh nhau nhưng thay vào đó phải được nhìn đến trong bối cảnh đời sống Kitô hữu và Hội Thánh, như cả hai được quy hướng về việc làm sống lại kinh nghiệm về tình yêu của Thiên Chúa. Thực ra, nguyên tắc cổ điển *lex credendi lex orandi* nhắc lại rằng phụng vụ là một yếu tố không thể thiếu được của Thánh Truyền.

96. Phụng vụ là “một chỗ ưu tuyển để dạy giáo lý cho Dân Thiên Chúa”.⁴⁶ Không được hiểu điều này theo nghĩa là phụng vụ phải mất đi đặc tính cử hành của nó và biến thành việc dạy giáo lý hoặc việc dạy giáo lý chỉ có vẻ bề ngoài. Mặc dù thật đúng là cả hai đóng góp phải giữ nguyên đặc tính của mình, nhưng phải nhìn nhận rằng phụng vụ là tột đỉnh và nguồn mạch của đời sống Kitô hữu. Thực ra, việc dạy giáo lý được khởi sự bằng một cuộc gặp gỡ hiệu quả đầu tiên giữa người học giáo lý và cộng đoàn cử hành mầu nhiệm, nghĩa là việc dạy giáo lý đạt được thành quả trọn vẹn của mình khi người học giáo lý tham gia vào đời sống phụng vụ của cộng đoàn. Vì vậy, không được nghĩ rằng việc dạy giáo lý chỉ để chuẩn bị cho các bí tích, nhưng phải hiểu nó trong liên hệ với kinh nghiệm phụng vụ. “Việc dạy giáo lý tự bản chất được nối kết với toàn thể hoạt động phụng vụ và bí tích, vì chính trong các bí tích, đặc biệt là trong bí tích Thánh Thể, Đức Chúa Giêsu Kitô hoạt động một cách viên mãn trong việc biến đổi con người”.⁴⁷ Do đó, phụng vụ và việc dạy giáo lý không thể tách rời nhau được nhưng nuôi dưỡng lẫn nhau.

97. Cuộc hành trình đào luyện của Kitô hữu như được chứng minh trong *huấn giáo hiệp nhiệm* của các Giáo Phụ Hội Thánh, luôn luôn có một đặc tính thử nghiệm, nhưng không bao giờ coi thường sự hiểu biết về đức tin. Cuộc gặp gỡ sống động và thuyết phục với Đức Kitô được rao giảng bởi những nhân chứng thật là điều khẩn cấp. Cho nên, người giới thiệu người khác vào mầu nhiệm trước hết phải là một nhân chứng. Cuộc gặp gỡ tìm thấy nguồn mạch và cao điểm của nó trong việc cử hành bí tích Thánh Thể, và được đào sâu qua việc học giáo lý.

⁴⁶ GLCG 1074.

⁴⁷ CT 23.

98. Nhu cầu cho một cuộc hành trình hiệp nhiệm nảy sinh từ cấu trúc cơ bản này của kinh nghiệm Kitô giáo, từ đó xuất hiện ba yếu tố chính:⁴⁸

- a. Việc giải thích các nghi lễ trong ánh sáng của các biến cố cứu độ, theo Thánh Truyền của Hội Thánh, tái giải thích các mẫu nhiệm của cuộc đời Chúa Giêsu và mẫu nhiệm Vượt Qua của Người trong mối liên hệ đặc thù với toàn thể quá trình của Cựu Ước;
- b. Một nhập môn vào các dấu chỉ của phụng vụ, để huấn giáo hiệp nhiệm có thể đánh thức và giáo dục sự nhạy cảm của các tín hữu về ngôn ngữ của các dấu chỉ và hành động, vốn cùng với các lời, tạo thành nghi lễ;
- c. Việc trình bày ý nghĩa của các cuộc cử hành trong tương quan với toàn thể đời sống Kitô hữu, để nhấn mạnh đến mối liên hệ của phụng vụ với trách nhiệm truyền giáo của người tín hữu và gia tăng ý thức rằng cuộc đời của các tín hữu được từ từ biến đổi bởi mẫu nhiệm được cử hành.

Tuy nhiên, khía cạnh hiệp nhiệm của việc dạy giáo lý không thể được thu gọn thuần túy thành cuộc thám hiểm của khai tâm Kitô giáo sau khi lãnh nhận các bí tích, nhưng cũng phải bao gồm việc tháp nhập vào phụng vụ Chúa Nhật và các ngày lễ của năm phụng vụ mà với nó, Hội Thánh đã nuôi dưỡng những người dự tòng và các trẻ em đã được rửa tội lâu ngày trước khi các em có thể lãnh nhận bí tích Thánh Thể hay bắt đầu học giáo lý một cách có tổ chức và hệ thống.

CHỨNG TỪ CỦA CÁC THÁNH VÀ CÁC VỊ TỬ VÌ ĐẠO

99. Ngay từ các thế kỷ đầu, gương của Đức Trinh Nữ Maria và đời sống của các thánh cùng các vị tử vì đạo đã là một phần hữu hiệu và không thể thiếu được của việc dạy giáo lý: từ tác phẩm *acta martyrum* đến *passiones*, từ những bức họa trên tường (fresco) và các hình tượng trong các nhà thờ để cùng cổ các câu chuyện cho trẻ em và những người không biết chữ. Các chứng từ về việc sống và chết cho Chúa mà các thánh đã cung cấp là *sequentiae sancti Evangelii* thật sự, các câu Tin Mừng có khả năng rao giảng Đức Kitô và làm sáng tỏ cùng nuôi dưỡng đức tin trong họ.

100. Hội Thánh coi các vị tử vì đạo như những bậc thầy thời danh của đức tin, là những vị đã làm cho sự lan rộng và việc hình thành ban đầu của cùng một đức tin được khả thi với những lao công và đau khổ của các ngài. Trong các vị tử vì đạo, Hội Thánh tìm thấy hạt giống sự sống: “*simen est sanguis Christianorum* [hạt giống là máu các Kitô hữu]”.⁴⁹ Luật này không chỉ thuộc về Kitô giáo thời sơ khai, nhưng chính xác cho toàn thể lịch sử Hội Thánh cho đến thời của chúng ta. Thế kỷ thứ XX, vốn được gọi là *kỷ nguyên của tử vì đạo*, cho thấy rằng chính nó đặc biệt phong phú trong các nhân chứng sẵn lòng sống Tin Mừng đến độ chịu thử thách tột bậc vì tình yêu. Chứng từ đức tin của họ phải được bảo vệ trong việc giảng dạy và dạy giáo lý, nuôi dưỡng sự tăng trưởng của các môn đệ Đức Kitô. Những cuộc hiện ra của Đức Mẹ Maria đã được Hội Thánh công nhận, đời sống và tác phẩm của các thánh và các vị tử vì đạo thuộc mọi nền văn hóa và dân tộc là những nguồn thật của việc dạy giáo lý.

THẦN HỌC

⁴⁸ X. Bê-nê-đi-cô XVI, Tông Huấn *Sacramentum Caritatis* (2 tháng 2 năm 2007).

⁴⁹ Tertullianô, *Apologeticum*, 50, 13: CCL 1, 171 (PL 1, 603).

101. Sự thật là Mặc Khải của Thiên Chúa siêu vượt khả năng hiểu biết của nhân loại không có nghĩa là nó trái ngược với lý trí của con người, nhưng thâm nhập và nâng cao lý trí. Việc tìm kiếm sự hiểu biết về đức tin – hay thần học – như thế là một điều cần thiết không thể thiếu được của Hội Thánh. “Công việc của thần học trong Hội Thánh trước hết là phục vụ việc rao truyền đức tin và dạy giáo lý”.⁵⁰ Nó thâm nhập các nội dung đức tin với sự hiểu biết khẩn thiết, nghiên cứu chúng và sắp đặt chúng một cách có hệ thống với sự đóng góp của lý trí. Tuy nhiên, Đức Kitô không phải chỉ được nghiên cứu trong suy tư có hệ thống bởi lý luận mà thôi, vì Người là chân lý sống động và “sự khôn ngoan của Thiên Chúa” (1 Cor 1:24), Người còn là sự hiện diện sáng tỏ. Tiếp cận khôn ngoan cho phép thần học tích hợp những bình diện khác nhau của đức tin. Hơn nữa, thần học “đưa ra đóng góp của mình để đức tin được thông truyền. Bằng cách mời gọi sự hiểu biết của những người chưa biết Đức Kitô, nó giúp họ tìm kiếm và tìm thấy đức tin”.⁵¹ Nói chung thì khoa học thần học đóng góp nhiều hơn vào việc dạy giáo lý và thực hành huấn giáo qua những ngành chuyên môn khác nhau đặc trưng cho nó: thần học căn bản, thần học Thánh Kinh, thần học tín lý, thần học luân lý, thần học linh đạo, vv..., và cách đặc biệt hơn với ngành sư phạm giáo lý, thần học mục vụ, thần học về Phúc Âm hóa, thần học về giáo dục và truyền thông.

NỀN VĂN HÓA KITÔ GIÁO

102. Nền văn hóa Kitô giáo được sinh ra từ ý thức về tính trung tâm của Đức Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Người, là những gì biến đổi cuộc sống nhân loại. Qua việc từ từ thẩm nhuần các nền văn hóa khác nhau, đức tin Kitô giáo đã thích nghi, thanh lọc, và biến đổi chúng từ bên trong, làm cho phong cách Phúc Âm hóa của nó thành một đặc điểm thiết yếu, đóng góp vào việc tạo nên một nền văn hóa mới và nguyên thủy, nền văn hóa Kitô giáo, vốn đã sản xuất ra các kiệt tác thật sự trong mọi ngành hiểu biết qua nhiều thế kỷ. Nó hoạt động như một sự nâng đỡ và một phương tiện cho việc rao giảng Tin Mừng, và bất chấp những đổi thay của lịch sử đôi khi được đánh dấu bằng những xung đột về ý thức hệ và văn hóa, đã thành công trong việc bảo tồn các giá trị Tin Mừng chân chính, chẳng hạn như tính độc đáo của con người, phẩm giá của sự sống, sự tự do như một điều kiện của đời sống con người, sự bình đẳng giữa người nam và người nữ, nhu cầu “tránh sự dữ và chọn sự tốt lành” (Is 7:15), sự quan trọng của lòng cảm thương và tình đoàn kết, tầm quan trọng của tha thứ và lòng thương xót cùng sự cần thiết của việc mở lòng ra cho sự siêu việt.

103. Tuy nhiên, trải qua nhiều thế kỷ, các xã hội đã được nền văn hóa Kitô giáo đặc biệt hình thành đã đi đến một cuộc khủng hoảng văn hóa là hậu quả của một chủ nghĩa tục hóa thái quá⁵² đã dẫn đến một quan niệm sai lầm về tự lập. Chỉ những tiêu chuẩn dựa trên sự đồng thuận của xã hội hoặc các ý kiến chủ quan là được chấp nhận, thường thì trái ngược với đạo đức tự nhiên. “Sự tách biệt giữa Tin Mừng và nền văn hóa chắc chắn là thảm kịch của thời đại chúng ta”. Cho nên, rõ ràng là cần phải có một sự hiểu biết mới về nền văn hóa Kitô giáo, một nền văn hóa gặp gỡ, có khả năng hợp nhất,⁵³ cho phép Tin Mừng phát ra những sức mạnh của nhân loại thật, là hòa

⁵⁰ Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Fides et Ratio* (14 tháng 9 năm 1998), 99.

⁵¹ Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Huấn thị về ơn gọi Hội Thánh của thần học gia, Donum Veritas* (24 tháng 5 năm 1990), 7.

⁵² EN 20.

⁵³ X. Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Fides et Ratio* (14 tháng 9 năm 1998), 85.

binh và công lý. Những sức mạnh này là nền tảng cho nền văn hóa Kitô giáo làm cho đức tin được dễ hiểu hơn và đáng ao ước hơn.

104. Nền văn hóa Kitô giáo đã đóng một vai trò quyết định trong việc bảo tồn các nền văn hóa đã đến trước nó và trong sự tiến bộ của nền văn hóa quốc tế. Nó có khả năng, chẳng hạn như, giải thích theo một tinh thần mới những thành quả vĩ đại của triết học Hy Lạp và luật học của người Rôma biến chúng thành gia sản của toàn thể nhân loại. Nó cũng hình thành nhận thức về sự tốt lành, công bình, chân lý và thẩm mỹ, gợi ra việc sáng tạo các tác phẩm – các văn bản văn chương và văn học, các sáng tác âm nhạc, các kiệt tác về kiến trúc và hội họa – là những điều còn tồn tại như một chứng từ cho sự đóng góp của đức tin Kitô giáo và tạo thành di sản kiến thức, luân lý và mỹ thuật của nó.

105. Di sản này, có giá trị lịch sử và nghệ thuật vĩ đại, là những nguồn tài nguyên gây hứng khởi và cải tiến việc dạy giáo lý, trong đó, nó thông truyền cái nhìn Kitô giáo về thế giới với sức sáng tạo của thẩm mỹ. Việc dạy giáo lý phải biết tận dụng di sản của nền văn hóa Kitô giáo trong nỗ lực “[bảo tồn] giữa con người các khả năng chiêm ngắm và quan sát là những gì dẫn đến sự khôn ngoan” (GS 56) và giáo dục các tín hữu, trong thời kỳ phân hóa, đến một viễn cảnh của “con người toàn diện trong đó những giá trị của trí tuệ, ý chí, lương tri và tình huynh đệ được trỗi vượt. Tất cả những giá trị này đều bắt nguồn trong Thiên là Chúa Đấng Tạo Hóa, cùng được phục hồi và nâng cao một cách kỳ diệu trong Đức Kitô” (GS 61). Di sản văn hóa Kitô giáo vĩ đại, được trình bày theo suy nghĩ của những người tạo ra chúng, có thể làm trung gian một cách hiệu quả việc nội tâm hóa những yếu tố chính của sứ điệp Tin Mừng.

THẨM MỸ

106. Thánh Kinh trình bày một cách không sai lầm rằng Thiên Chúa là nguồn mạch của mọi sự huy hoàng và thẩm mỹ. Cựu Ước cho thấy rằng việc tạo dựng, với con người ở cao điểm, như một điều gì tốt lành và xinh đẹp, không mấy theo nghĩa trật tự và hài hòa nhưng theo nghĩa vô vị lợi, thoát khỏi chủ nghĩa thực dụng. Trong sự hiện diện của việc tạo dựng, là điều phải được ngưỡng mộ và chiêm ngắm vì chính nó, một người cảm thấy kinh ngạc, xuất thần, một phản ứng tình cảm và triu mến. Các công trình của con người, như Đền Thờ huy hoàng của vua Solômon (x. 1V 7-8), đáng được kính phục vì chúng được nối kết với Đấng Tạo Hóa.

107. Trong Tân Ước, mọi vẻ đẹp đều được tập trung vào con người Đức Chúa Giêsu Kitô, Đấng mặc khải Thiên Chúa, vốn “phản ánh vinh quang của Thiên Chúa và hình ảnh trung thực của bản thể Ngài” (Dt 1:3). Tin Mừng của Người thật quyến rũ bởi vì sứ điệp của Tin Mừng ấy xinh đẹp, tốt lành, vui tươi, đầy hy vọng. Người: “đầy ân sủng và chân lý” (Ga 1:14), tự mình nhận lấy bản tính nhân loại, đã kể lại qua các dụ ngôn vẻ đẹp của hoạt động của Thiên Chúa. Trong mối liên hệ của Người với con người Người đã nói *những lời đẹp đẽ* mà với hiệu lực của chúng chữa lành tận đáy linh hồn: “Tôi con đã được tha” (Mt 2:5); “Tôi cũng không lên án chi” (Ga 8:11), “Thiên Chúa quá yêu nhân loại” (Ga 3:16). “Hãy đến cùng Ta, hỡi tất cả những ai vất vả và gồng gánh nặng nề, Ta sẽ cho nghỉ ngơi” (Mt 12:18). Người đã thực hiện *những hành động đẹp*: Người đã chữa lành, đã giải phóng, đã đồng hành với nhân loại và đã chạm đến các vết thương của nhân loại. Khi chịu sự tàn nhẫn của án tử hình như một kẻ “chẳng còn dung mạo hay vẻ duyên dáng” (Is 53:2), Người được nhận ra như “người bảnh bao nhất trong số con cái loài người” (Tv 45:2). Bằng cách này, Người dẫn đưa nhân loại đã được thanh luyện vào vinh quang

của Chúa Cha, ở đó người ta thấy Người “ngự bên hữu Đấng Oai Nghi trên trời” (Dt 1:3) và như thế đã tỏ lộ toàn thể quyền năng biến đổi của cuộc Vượt Qua của Người.

108. Vì thế, Hội Thánh luôn luôn nhớ rằng để đến tận tâm hồn con người, việc rao giảng Đấng Phục Sinh phải tỏa ra với chân thiện mỹ. Theo nghĩa này, điều cần thiết là “mọi hình thức dạy giáo lý [...] phải chú trọng đến ‘con đường thẩm mỹ’ (via pulchritudinis)”.⁵⁴ Tất cả những gì đẹp đều là con đường dẫn đến gặp gỡ Thiên Chúa, nhưng tiêu chuẩn của sự đích thực của nó không thể chỉ là tiêu chuẩn thẩm mỹ. Cần phải có sự phân định giữa vẻ đẹp thật và các hình thức trông có vẻ đẹp mắt nhưng trống rỗng hay thậm chí có hại, như trái cấm trong vườn địa đàng trần thế (x. St 3:6). Những tiêu chuẩn được tìm thấy trong lời khuyên nhủ của Thánh Phaolô “những gì chân thật, những gì cao quý, những gì chính trực, những gì tinh tuyền, những gì đáng yêu, những gì mang lại tiếng tốt, và nếu có gì nhân đức, đáng khen, thì hãy nghĩ đến những điều đó” (Phl 4:8).

109. Thẩm mỹ luôn luôn thấm nhuần và bất khả phân ly với sự thiện và chân lý. Do đó, chiêm ngắm vẻ đẹp gợi ra trong lòng chúng ta những tình cảm vui mừng, thích thú, dịu dàng, sung mãn, đầy ý nghĩa, như thế mở lòng chúng ta ra cho sự siêu việt. Cách Phúc Âm hóa này là *con đường thẩm mỹ*, và như vậy mọi hình thức thẩm mỹ đều là nguồn của huấn giáo. Trong việc chứng minh tính ưu việt của ân sủng, được tỏ lộ cách đặc biệt trong Đức Trinh Nữ Maria; trong việc nói cho người khác biết về đời sống của các thành như những nhân chứng thật của vẻ đẹp của đức tin; trong việc đặc biệt chú ý đến vẻ đẹp và huyền bí của thụ tạo; trong việc khám phá và quý mến di sản phụng vụ và nghệ thuật không thể tin được và bao la của Hội Thánh; trong việc đánh giá cao các hình thức cao nhất của nghệ thuật đương thời, việc dạy giáo lý cho thấy cách cụ thể vẻ đẹp vô cùng của Thiên Chúa, là điều cũng được diễn tả trong các việc làm của con người (x. SC 122), và dẫn những người học giáo lý hướng về món quà xinh đẹp mà Chúa Cha đã làm trong Con của Ngài.

⁵⁴ EG 167; x. Ủy Ban Giáo Hoàng về Văn Hóa, *Đường Thẩm Mỹ, Con Đường Ưu Tuyến cho việc Phúc Âm hóa và Đối Thoại: Tài Liệu Kết Thúc Phiên Họp Khoáng Đại*, 2006.